

BIỂU TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG CẤP TỈNH - TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên đề án	Địa điểm triển khai	Giai đoạn 2021-2025			Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Ghi chú
			Tổng cộng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	
1	Nhóm 1: Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Tổng cộng	18.727	8.742	9.985	342	350	1.700	2.050	2.200	2.390	2.100	2.600	2.400	2.595	44 đề án
		Thành phố Pleiku	1.750	700	1.050			200	250			300	500	200	300	03 đề án
		Thị xã An Khê	800	400	400					100	100	100	100	200	200	04 đề án
		Thị xã Ayun Pa	1.600	800	800			200	200	200	200	100	100	300	300	04 đề án
		Huyện Phú Thiện	1.350	600	750			200	200	200	250	200	300			03 đề án
		Huyện Ia Pa	450	200	250							200	250			01 đề án
		Huyện Krông pa	1.210	600	610					200	210	200	200	200	200	03 đề án
		Huyện Kbang	1.100	550	550	150	150			200	200	200	200			03 đề án
		Huyện Kông Chro	750	350	400			150	200			200	200			02 đề án
		Huyện Đak Đoa	792	392	400	192	200	200	200							02 đề án
		Huyện Mang Yang	1.200	600	600			200	200					400	400	03 đề án
		Huyện Chư Păh	4.495	2.050	2.445			350	500	500	550	400	500	800	895	09 đề án
		Huyện Ia Grai	400	200	200					200	200					01 đề án
		Huyện Chư Prông	500	200	300			200	300							01 đề án
		Huyện Đức Cơ	430	200	230					200	230					01 đề án
Huyện Chư Pưh	1.900	900	1.000					400	450	200	250	300	300	04 đề án		
2	Nhóm 2: Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của địa phương	Tổng cộng	980	490	490	-	-	350	350	-	-	140	140	-	-	02 đề án cho 2 năm để hỗ trợ 14 cơ sở
		Thành phố Pleiku	70	35	35	-	-	35	35							
		Thị xã An Khê	70	35	35			35	35							
		Thị xã Ayun Pa	70	35	35			35	35							
		Huyện Ia Pa	70	35	35	-	-	35	35							
		Huyện Krông pa	70	35	35			35	35							
		Huyện Kbang	70	35	35	-	-	35	35							
		Huyện Đăk Pơ	70	35	35	-	-	35	35							
Huyện Mang Yang	70	35	35			35	35									

TT	Tên đề án	Địa điểm triển khai	Giai đoạn 2021-2025			Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Ghi chú
			Tổng cộng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	Kinh phí KC cấp tỉnh	Đối ứng CS thụ hưởng	
2	Nhóm 2: Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của địa	Huyện Đắk Đoa	70	35	35	-	-	35	35							
		Huyện Ia Grai	70	35	35							35	35			
		Huyện Đức Cơ	70	35	35	-	-					35	35			
		Huyện Chư Prông	70	35	35	-	-	-	-			35	35	-	0	
		Huyện Chư Puh	70	35	35			35	35							
		Huyện Chư Păh	70	35	35	-	-					35	35			
3	Nhóm 3: Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn gắn với du lịch	Tổng cộng	400	400	-	0	0	100	0	100	0	100	0	100	0	04 đề án, 8 cơ sở trong 4 năm
		Huyện Đắk Pơ	50	50	-									50		
		TT Khuyến công & XTTM	350	350	-			100		100		100		50		
4	Nhóm 4: Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Tổng cộng	160	160	-	0	0	80	0	0	0	80	0	0	0	02 đề án
		Trên địa bàn tỉnh (TTKC thực hiện)	160	160	-			80				80				60 triệu đồng/đợt và 20 triệu đồng khen thưởng 10 sản phẩm đạt giải/đợt
	Tổng cộng		20.267	9.792	10.475	342	350	2.230	2.400	2.300	2.390	2.420	2.740	2.500	2.595	